

**CHỈ TIÊU CÔNG BỐ KHOA HỌC QUỐC TẾ VÀ SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ SHTT
VÀ CGCN THEO ĐƠN VỊ THEO ĐƠN VỊ NĂM 2019**

Nhằm thúc đẩy việc công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trên các ấn phẩm khoa học quốc tế, tăng cường sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, tạo động lực phấn đấu cho các đơn vị và các nhà khoa học, đồng thời làm căn cứ cho công tác thi đua trong Đại học Huế, kể từ năm 2019, Đại học Huế sẽ dự kiến và phân bổ chỉ tiêu công bố khoa học hàng năm cho từng đơn vị vào đầu năm tài chính.

I. CHỈ TIÊU CÔNG BỐ KHOA HỌC QUỐC TẾ

Có hai phương án phân bổ chỉ tiêu:

- Phương án 1: Dựa trên cơ sở nguồn lực đội ngũ, số lượng nhiệm vụ KH&CN các cấp, nhóm nghiên cứu mạnh.
- Phương án 2: Dựa trên số lượng công bố quốc tế (ISI, Scopus, ESCI) năm 2018.

PHƯƠNG ÁN 1:

1. Nguyên tắc phân bổ chỉ tiêu

Việc phân bổ chỉ tiêu công bố khoa học quốc tế cho từng đơn vị dựa trên các nguyên tắc sau:

- Trên tiềm lực về đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ, về nhóm nghiên cứu mạnh
- Số lượng đề tài KH&CN các cấp (Quốc gia, Bộ, ĐH Huế) thực hiện tại đơn vị trong năm
- Có tính đến yếu tố đặc thù về chuyên môn của đơn vị (dễ, khó công bố quốc tế)
- Chỉ tiêu phân bổ gồm tổng số công bố và số công bố chia theo 2 nhóm:
 - o Nhóm A: công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI và SCOPUS
 - o Nhóm B: công bố trên các tạp chí quốc tế khác (có phản biện, có chỉ số ISSN, có thành phần Editorial Board từ ít nhất 3 quốc gia) và trong các kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế (có phản biện, có ISBN, có người tham gia đến từ ít nhất 3 quốc gia).

2. Cách tính toán các chỉ tiêu phân bổ

2.1. Tổng số công bố khoa học quốc tế

Tổng số công bố quốc tế được tính theo công thức:

$$N = \sum_1^6 Q_i \times f_i$$

Trong đó,

N – chỉ tiêu tổng số công bố quốc tế của đơn vị (số bài báo)

Q_i – quy mô yếu tố i (số lượng theo đơn vị tính)

f_i –định mức công bố với yếu tố i (số bài/đơn vị tính/năm).

Các yếu tố, đơn vị tính, định mức công bố và quy mô của từng yếu tố như ở bảng dưới đây:

TT	Yếu tố	Quy mô	Định mức công bố	
			Đơn vị tính	Giá trị
1	Đội ngũ GS, PGS	Số lượng CB có chức danh GS, PGSở đầu năm	số bài báo/người/năm	1,0
2	Đội ngũ Tiến sĩ	Số lượng CB có trình độ Tiến sĩ ở đầu năm	số bài báo/người/năm	0,5
3	Nhóm nghiên cứu mạnh	Số nhóm NCM được ĐHHuế công nhận trong năm	số bài báo/nhóm/năm	2,0
4	Đề tài cấp Quốc gia,	Số đề tài KH&CN cấp Quốc gia,	số bài báo/đề tài/năm	1,0

	cấp Bộ	cấp Bộ thực hiện trong năm		
5	Đề tài cấp ĐH Huế	Số đề tài KHCN cấp ĐH Huế thực hiện trong năm	số bài báo/đề tài/năm	0,5
6	Đề tài NAFOSTED	Số đề tài NAFOSTED thực hiện trong năm	số bài báo/đề tài/năm	1,0

2.2. Phân bố chỉ tiêu công bố quốc tế theo nhóm A và B

Chỉ tiêu công bố quốc tế theo nhóm A và B được tính theo công thức:

$$N_j = N \times k_j$$

Trong đó,

N_j – chỉ tiêu công bố quốc tế của đơn vị nhóm j (số bài báo)

N – chỉ tiêu tổng số công bố quốc tế của đơn vị (số bài báo)

k_j – hệ số công bố nhóm j

Hệ số công bố theo nhóm được xác định dựa trên đặc thù về lĩnh vực chuyên môn và kinh nghiệm công bố của các đơn vị như ở bảng sau:

Đơn vị	Hệ số công bố nhóm A	Hệ số công bố nhóm B
Trường ĐHKH, ĐHNL, ĐHSP, ĐHYD, Viện CNSH	0,75	0,25
Trường ĐHKT, ĐH Luật, ĐHNN, Khoa DL, Viện TNMT, Cơ quan ĐHH, Khoa Quốc tế	0,5	0,5
Phân hiệu QT	0,25	0,75
Trường ĐHNT, Khoa GDTC	0	1

3. Kết quả tính phân bố chỉ tiêu công bố quốc tế năm 2019

Dựa trên số liệu của năm 2019 (xem bảng chi tiết kèm theo), số lượng công bố khoa học quốc tế (tổng, nhóm A và B) của từng đơn vị thuộc ĐH Huế như sau:

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu công bố quốc tế (số bài báo)			
		Tổng số bài	Nhóm A (Tập chí ISI, SCOPUS)		Nhóm B (tạp chí và kỷ yếu khác)
			ISI	SCOPUS	
1	Trường ĐHKH	128	64	32	32
2	Trường ĐHKT	45	15	7	23
3	Trường ĐH Luật	19	6	3	10
4	Trường ĐHNL	110	55	28	27
5	Trường ĐHNN	34	11	6	17
6	Trường ĐHNT	6	0	0	6
7	Trường ĐHSP	131	65	33	33
8	Trường ĐHYD	120	60	30	30
9	Khoa DL	14	5	2	7
10	Khoa GDTC	5	0	0	5
11	Phân hiệu QT	5	1	0	4
12	Viện CNSH	17	9	4	4
13	Viện TNMT	4	1	1	2
14	Cơ quan ĐHH	12	4	2	6
15	Khoa Quốc tế	1	1	0	0
Cộng		651	297	148	206
			445		

Bảng chi tiết tính toán phân bổ chỉ tiêu công bố khó học quốc tế cho từng đơn vị thuộc Đại học Huế năm 2019

TT	Đơn vị	Tiềm lực đội ngũ				Số đề tài KHCN các cấp									Hệ số phân bổ		Chỉ tiêu (số bài báo)		
		GS	PGS	TS	Nhóm NCM	Quốc gia	Cấp Bộ				Cấp ĐHH			NAFO-STED	Nhóm A	Nhóm B	Tổng	Nhóm A	Nhóm B
							2018	2019	Khác	Cộng	2018	2019	Cộng						
1	ĐHKH	2	48	74	3	2	1	2	3	6	21	22	43	5	0.75	0.25	128	96	32
2	ĐHKT	0	13	33	0	0	0	0	0	0	11	17	28	1	0.5	0.5	45	22	23
3	ĐH Luật	0	3	16	0	0	1	1	0	2	5	7	12	0	0.5	0.5	19	9	10
4	ĐHNL	3	44	65	3	1	2	2	0	4	12	22	34	2	0.75	0.25	110	83	27
5	ĐHNN	0	4	32	1	0	0	0	0	0	7	16	23	0	0.5	0.5	34	17	17
6	ĐHNT	0	1	1	0	0	0	0	0	0	4	4	8	0	0	1	6	0	6
7	ĐHSP	3	52	82	3	0	3	3	3	9	8	16	24	8	0.75	0.25	131	98	33
8	ĐHYD	8	61	49	2	0	1	2	0	3	11	25	36	1	0.75	0.25	120	90	30
9	Khoa DL	0	3	6	0	0	1	1	0	2	5	5	10	1	0.5	0.5	14	7	7
10	Khoa GDTC	0	0	7	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	0	1	5	0	5
11	Phân hiệu QT	0	0	5	0	0	0	0	0	0	3	2	5	0	0.75	0.25	5	1	4
12	Viện CNSH	0	2	3	0	0	7	1	0	8	5	3	8	1	0.75	0.25	17	13	4
13	Viện TNMT	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	2	4	0	0.5	0.5	4	2	2
14	CQ ĐHH	0	7	21	0	0	0	1	0	1	2	2	4	0	0.5	0.5	12	6	6
15	Khoa Quốc tế	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.5	0.5	1	1	0
	Cộng:	16	239	397	12	3	16	13	6	35	96	145	241	19			651	445	206

Ghi chú:

1. Nguồn số liệu:

- Số liệu PGS, GS, TS theo báo cáo giao ban KHCN 2018 của các đơn vị (trừ Trường ĐHNL, ĐHYD, Khoa Du lịch, CQ ĐHH lấy từ website đơn vị)

- Số liệu các đề tài các cấp theo báo cáo giao ban KHCN 2018 của các đơn vị có đối chiếu với số liệu quản lý ở Ban KHCNMT

- Số liệu nhóm nghiên cứu mạnh theo Quyết định số 1208/QĐ-ĐHH ngày 12/9/2018 của Giám đốc ĐH Huế.

2. Do đặc thù công tác kiêm nhiệm, số lượng đội ngũ ở Cơ quan ĐHH được nhân với hệ số 0,5 khi tính toán.

PHƯƠNG ÁN 2:**CHỈ TIÊU CÔNG BỐ QUỐC TẾ NĂM 2019**

STT	TÊN ĐƠN VỊ	DANH MỤC NĂM 2018			CỘNG	TỈ LỆ %	NĂM 2019		
		ISI	SCOPUS	ESCI			TỔNG	ISI	SCOPUS
1	Trường Đại học Khoa học	47	6	6	59	19.0	85	57	28
2	Trường Đại học Kinh tế	11	0	0	11	3.5	16	11	5
3	Trường Đại học Luật	0	0	1	1	0.3	1	1	0
4	Trường Đại học Nông Lâm	31	28	1	60	19.3	87	58	29
5	Trường Đại học Ngoại ngữ	2	5	0	7	2.3	10	7	3
6	Trường Đại học Nghệ thuật	0	0	0	0	0.0	0	0	0
7	Trường Đại học Sư phạm	61	5	1	67	21.5	97	65	32
8	Trường Đại học Y Dược	54	7	5	66	21.2	95	64	32
9	Khoa Du lịch	12	1	0	13	4.2	19	13	6
10	Khoa GDTC	0	0	0	0	0.0	0	0	0
11	Phân hiệu Quảng Trị	3	0	0	3	1.0	4	3	1
12	Viện Công nghệ sinh học	2	3	0	5	1.6	7	5	2
13	Viện Tài nguyên và Môi trường	3	0	0	3	1.0	4	3	1
14	Cơ quan Đại học Huế	7	3	3	13	4.2	19	13	6
15	Khoa Quốc tế	1	1	1	3	1.0	4	3	1
	Tổng số bài báo	198	48	14	311		450	300	150

Ghi chú:

- Căn cứ trên số lượng các bài báo ISI, ESCI và Scopus công bố năm 2018 trên CSDLKH ĐHH của các đơn vị để tính tỉ lệ % tương ứng.

- Chỉ tiêu phân bổ năm 2019 cho các đơn vị được lấy từ tỉ lệ này nhân với 450 bài.
- Tổng số bài báo ở cột Cộng là **311** tuy nhiên thực tế trong danh mục là 260 bài vì có sự trùng lặp giữa các đơn vị.
- Cột Tỉ lệ là số bài báo của đơn vị chia cho 311 bài.

TỔNG HỢP 2 PHƯƠNG ÁN

Sau khi tính toán chỉ tiêu phân bổ theo hai phương án, số bài báo phân bổ theo từng phương án thể hiện ở bảng sau:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHƯƠNG ÁN		
		TỔNG	ISI	SCOPUS
1	Trường Đại học Khoa học	96	64	32
2	Trường Đại học Kinh tế	22	15	7
3	Trường Đại học Luật	9	6	3
4	Trường Đại học Nông Lâm	83	55	28
5	Trường Đại học Ngoại ngữ	17	11	6
6	Trường Đại học Nghệ thuật	0	0	0
7	Trường Đại học Sư phạm	98	65	33
8	Trường Đại học Y Dược	90	60	30
9	Khoa Du lịch	7	5	2
10	Khoa GDTC	0	0	0
11	Phân hiệu Quảng Trị	1	1	0
12	Viện Công nghệ sinh học	13	9	4
13	Viện Tài nguyên và Môi trường	2	1	1
14	Cơ quan Đại học Huế	6	4	2
15	Khoa Quốc tế	1	1	0
	Tổng số bài báo	445	297	148

II. Chỉ tiêu đăng ký sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ

Căn cứ xác định số lượng sản phẩm đăng ký SHTT và CGCN để phân bổ cho các đơn vị :

1. Số lượng các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và cấp ĐHH từ năm 2016 - 2018 sử dụng NSNN của từng đơn vị.
2. Những nhiệm vụ KHCN có sản phẩm ứng dụng, có tiềm năng thương mại hóa và chuyển giao công nghệ.

Kết quả được trình bày ở bảng sau đây:

**BẢNG PHÂN BỔ CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ SỞ HỮU TRÍ TUỆ & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
NĂM 2019**

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG ĐỀ TÀI				CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ SHTT&CGCN
		Cấp Bộ		Cấp ĐHH		
		Tổng số đề tài	Đề tài ứng dụng	Tổng số đề tài	Đề tài ứng dụng	
1	Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế	16	1	34+21 (nguồn khác)	2	3
2	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	16	10	34+5 (nguồn khác)	9	19
3	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế	14		34+1 (nguồn khác)		
4	Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế	2	1	35	5	6
5	Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế	1		8		
6	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế	4		21+1 (nguồn khác)		
7	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	3		21+1 (nguồn khác)		
8	Trường Đại học Luật, Đại học Huế	1		10		

9	Viện Tài nguyên và Môi trường - Đại học Huế			6	2	2
10	Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế			10	3	4
11	Khoa Du lịch - Đại học Huế	1		7	2	2
12	Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị			5	1	1
13	Cơ quan Đại học Huế	1		6		
14	Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế	1		1		
15	Khoa Quốc tế			1		
Tổng số		61	13	266	24	37